CÔNG TY CỔ PHẦN

HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC
DN: C=VN, S=BẮC GIANG, L=Thành phố Bắc Giang, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:2400395807
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.04.17 15:47:26+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

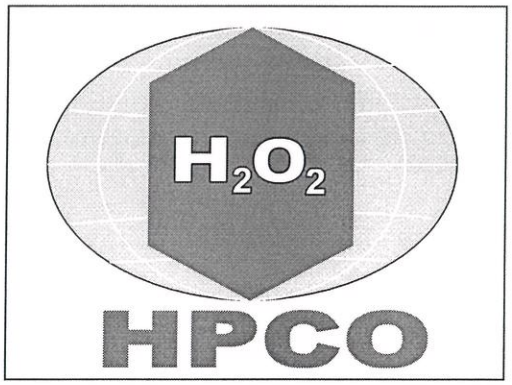

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2025

Bắc Ninh – 2026

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

Tên Công ty:	**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC**
Tên tiếng Anh:	HA BAC HUNG PHAT CHEMICAL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	HPCO
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp:	Số 2400395807 (số cũ 2003000297) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 8 ngày 21/08/2025.
Vốn điều lệ:	84.000.000.000 đồng (Tám mươi tư tỷ đồng)
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành:	8.400.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
Địa chỉ trụ sở chính:	Tổ dân phố Hoà Yên, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh
Số điện thoại:	0204 3526 066
Số fax:	0204 3526 066
Website:	http://hungphathabac.com.vn
Mã chứng khoán:	**HPH**

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2003000297 ngày 01/02/2008 thay đổi lần 8 ngày 21/08/2025 với mức vốn điều lệ là 84.000.000.000 đồng.

Công ty được thành lập và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với số vốn điều lệ ban đầu là 56 tỷ đồng và 03 cổ đông sáng lập, trong đó Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (nay là CTCP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc) nắm cổ phần chi phối. Mục tiêu thành lập và hoạt động kinh doanh chính của Công ty là đầu tư sản xuất và cung cấp Hydrogen Peroxide có công thức hóa học là H_2O_2, còn gọi là ô xy già sử dụng rộng rãi trong công nghiệp sản xuất giấy, dệt, điện tử, xử lý môi trường,...sau hơn 15 năm thành lập,

đến nay sản phẩm ô xy già của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc đã tạo lập thương hiệu trên thị trường với hệ thống các nhà phân phối được hình thành rộng khắp cả nước.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1 . Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh Ôxy già (H_2O_2) và các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số số 2400395807 (số cũ 2003000297) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 8 ngày 21/8/2025.

3.2. Địa bàn kinh doanh:

Miền Nam: Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bình Dương, Biên Hòa, Tây Ninh, Vũng Tầu, Bình Định….

Miền Bắc: Thành Phố Hà Nội, Nam Định, Thái Bình, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Giang, Hải Phòng, Nam Hà, Thái Nguyên….

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc thiết lập cơ cấu tổ chức và quản trị theo mô hình công ty cổ phần, phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh, bao gồm cả cơ chế trao đổi thông tin nội bộ và phân công các cán bộ với quyền hạn và trách nhiệm rõ ràng. Bên cạnh đó, Công ty cũng xem xét và cải tiến liên tục hệ thống quản trị Công ty nhằm triển khai có hiệu quả các chính sách nhằm đạt được các mục tiêu đề ra

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty bao gồm:

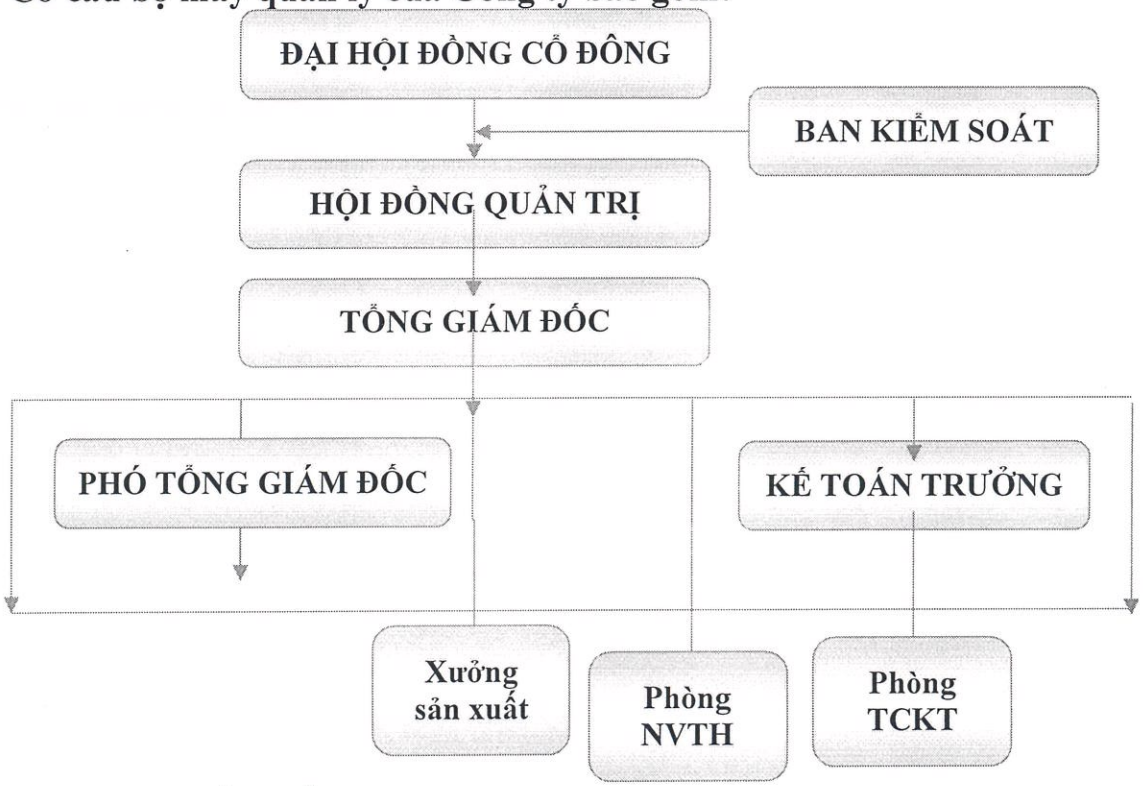

4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát

Hà Bắc. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần và quyết định các vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo, quyết định phương thức hoạt động, vốn điều lệ, nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, ...

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 05 người, trong đó có 01 thành viên điều hành và 04 thành viên không điều hành. Hội đồng quản trị thực hiện quản lý Công ty và đảm bảo hoạt động của Công ty theo luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật khác.

4.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty có 03 người, trong đó có 01 người làm Trưởng ban. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc điều hành và quản lý Công ty. Hoạt động theo luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật khác.

4.4. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty

Tổng Giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị, theo luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật khác.

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng giám đốc, được Tổng giám đốc ủy quyền hoặc chịu trách nhiệm trong một số lĩnh vực quản lý chuyên môn, chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được phân công và uỷ quyền.

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng là người trực tiếp tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác quản lý tài chính kế toán trong Công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các vấn đề liên quan tới công tác kế toán tài chính, quyết toán tài chính, thuế và tình hình thực hiện chế độ quản lý tài chính của Công ty. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty.

4.5. Các phòng chuyên môn thuộc Công ty và Xưởng sản xuất

Phòng Nghiệp vụ tổng hợp

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc về nghiệp vụ chuyên môn trong việc điều hành quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các lĩnh vực: Quản lý Kế hoạch, Vật tư và Đầu tư; Tổ chức, quản lý lao động tiền lương và giải quyết các chế độ cho

nổ; công tác tiêu thụ sản phẩm và phát triển thị trường; Công tác Thống kê, Môi trường; Kỹ thuật.

Phòng Tài chính – Kế toán

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc về các lĩnh vực Tài chính - Kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện những công việc nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán theo đúng qui định của Nhà nước về chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán.

Xưởng sản xuất

Chức năng: Xưởng sản xuất H_2O_2 là đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty có chức năng tiếp nhận nguyên vật liệu, năng lượng, quản lý nhân sự và vận hành thiết bị của dây chuyền để sản xuất sản phẩm H_2O_2 theo kế hoạch đã được Tổng giám đốc công ty phê duyệt.

➢ **Danh sách công ty mẹ của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:** Không có.

➢ **Danh sách công ty con của CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:** Không có.

➢ **Danh sách những công ty mà CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:** Không có.

➢ **Danh sách những công ty, cá nhân nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:**

Tên	Địa chỉ	Số CMND/CCCD	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần
Trương Thị Lan Anh	Vinhomes Riverside	013179956	4.600.000	54,76%

5. Định hướng phát triển:

➢ **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Tiếp tục phát huy những kết quả đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa thương hiệu Công ty Cổ phần Hoá chất Hưng Phát Hà Bắc, củng cố, tích tụ lực lượng sản xuất để tạo ra sự thay đổi về chất về quy mô trong toàn Công ty, nâng cao năng suất sản xuất,...
- Xây dựng Công ty Cổ phần Hoá chất Hưng Phát Hà Bắc trở thành một công ty mạnh, có quy mô lớn, có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hoá cao theo ngành nghề kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh với khoa học công nghệ, nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường;
- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.
- Củng cố hệ thống dây chuyền sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh hiệu quả sản xuất, khai thác tối ưu nguồn lực hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển thị trường.

• Thực hiện triệt để việc tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả năng suất, an toàn sản xuất gắn với bảo vệ môi trường.

➢ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Hoàn thiện bộ máy tổ chức và hệ thống quản lý; làm chủ thiết bị công nghệ để phát triển trở thành doanh nghiệp có thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực Ôxy già.

- Duy trì hệ thống nhà phân phối hiện tại, tiếp cận mở rộng thêm các khách hàng tiêu dùng trực tiếp. Xúc tiến chào hàng và hỗ trợ các nhà phân phối tiếp cận để bán hàng, tập trung tiêu thụ khu vực phía Bắc và nâng dần tỷ trọng Ôxy già nồng độ loãng. Đẩy mạnh kinh doanh sản phẩm NH3.

➢ **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất theo quy định. Thực hiện chương trình cải tiến thiết bị, công nghệ, hợp lý hoá sản xuất, sử dụng hiệu quả nguyên nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu chất thải nhằm sản xuất sạch hơn.

Mang lại giá trị thặng dư cao nhất cho Cổ đông, tạo lập cuộc sống ấm no cho Người lao động và góp phần làm tăng tổng giá trị thặng dư cho xã hội.

6. Các rủi ro:

Rủi ro đặc thù

Nguyên liệu chính để sản xuất ô xy già của Công ty là khí Hydro (H2) từ quá trình tổng hợp Amoniac của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc, đây là một thế mạnh của Công ty nhưng cũng là một rủi ro đặc thù vì nếu Công ty Cổ phần Phân Đạm và Hóa chất Hà Bắc ngừng máy sửa chữa hoặc khi xảy ra sự cố trong quá trình sản xuất thì Dây chuyền sản xuất ô xy già của Công ty sẽ phải ngừng hoạt động do không có nguồn khí tinh luyện (H2) cung cấp cho sản xuất.

Rủi ro về cạnh tranh và thị trường

Việc vấp phải sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt và trực tiếp, đặc biệt đến từ Ô xy già nhập khẩu dẫn đến rủi ro kinh doanh liên quan đến thị phần của Công ty nếu chính sách bán hàng không kịp thời điều chỉnh.

II.TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Năm 2025, hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế chung khó khăn, thị trường tiêu thụ chậm, nhu cầu suy giảm, giá bán sản phẩm H2O2 duy trì ở mức thấp, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất – kinh doanh. Bên cạnh đó, việc Công ty Đạm Hà Bắc ngừng máy dài ngày để sửa chữa đã làm gián đoạn sản xuất, giảm sản lượng và ảnh hưởng đến kế hoạch vận hành của Công ty.

- Trong năm, sản xuất được duy trì nhưng chưa ổn định do các đợt ngừng máy ngắn hạn và dài hạn phát sinh từ việc Đạm Hà Bắc ngừng máy, điều kiện thời tiết bất lợi và điện lưới không ổn định. Trong các lần ngừng máy, Công ty

đã chủ động thực hiện sửa chữa, cải tạo và bảo dưỡng thiết bị nhằm nâng cao độ ổn định và an toàn hệ thống.

- Sau khi tái sinh xúc tác trong đợt ngừng máy dài ngày, cùng với Công ty cải tạo hệ thống thu hồi khí thùng chứa, cải tạo hệ thống phân ly cấp hai khí cuối hydro hoá, cải tạo hệ thống thu hồi khí cuối Ôxy hoá toàn hệ thống được đưa vào vận hành trở lại từ cuối tháng 9/2025, điều kiện vận hành ổn định, năng suất được cải thiện rõ rệt; sản lượng bình quân đạt khoảng 40 tấn/ngày, mức cao nhất từ trước đến nay, đồng thời tiêu hao hydrocac bon thơm giảm đáng kể, góp phần quan trọng vào việc thực hiện kế hoạch sản lượng năm 2025.

- Giá bán sản phẩm trong năm nhìn chung vẫn ở mức thấp, dù có thời điểm tăng nhẹ nhưng vào đúng đợt phải dừng máy dài ngày nên hiệu quả kinh tế chưa cao. Công ty đã chủ động các giải pháp mua hàng nhập khẩu để duy trì nguồn cung cho khách hàng truyền thống, giữ ổn định thị trường và uy tín doanh nghiệp.

- Nhìn chung, dù phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, Công ty đã nỗ lực duy trì sản xuất, khắc phục hạn chế và tận dụng thời gian ngừng máy để củng cố hệ thống, tạo nền tảng cho việc ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất – kinh doanh trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

2. Tổ chức và nhân sự:

(1) Nguyễn Thế Hùng – Tổng Giám đốc

Họ và tên	**Nguyễn Thế Hùng**
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/4/1968
Nơi sinh	Huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, Việt Nam
CCCD/CMND/ Hộ chiếu	015068000734
Ngày cấp/Ngày hết hạn	25/04/2021
Nơi cấp	Cục cảnh sát QLHC về TTXH
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số nhà 68 đường Cô Giang, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư chế tạo máy
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,048% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,048% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần

(2) Ông Hà Văn Hùng – Phó tổng giám đốc

Họ và tên	**Hà Văn Hùng**
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	25/10/1992
Nơi sinh	Thôn Thái Đào, xã Tân Dĩnh, tỉnh Bắc Ninh
CCCD/CMND/ Hộ chiếu	024092002838
Ngày cấp/Ngày hết hạn	01/09/2021
Nơi cấp	Cục cảnh sát QLHC về TTXH
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Thôn Thái Đào, xã Tân Dĩnh, tỉnh Bắc Ninh
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	Không
Tổng số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	0 cổ phần
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần

(3) Bà Thân Thị Hà – Kế toán trưởng

Họ và tên	**Thân Thị Hà**
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	05/02/1984
Nơi sinh	TDP Chiền - phường Tiền Phong – Tỉnh Bắc Ninh
CCCD/CMND/ Hộ chiếu	024184018195
Ngày cấp/Ngày hết hạn	29/04/2024
Nơi cấp	Cục cảnh sát QLHC về TTXH
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số nhà 73-TDP Tự- phường Đa Mai- tỉnh Bác Ninh
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	Không
Tổng số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	0 cổ phần
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần

(4) Ông Nguyễn Văn Tuân - Trưởng phòng Nghiệp vụ tổng hợp:

Họ và tên	**Nguyễn Văn Tuân**
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/9/1971
Nơi sinh	Thôn xuân cước, xã Trà Giang, Hưng yên
CCCD/CMND/ Hộ chiếu	034071016781
Ngày cấp/Ngày hết hạn	12/12/2008

Nơi cấp	Cục cảnh sát QLHC về TTXH
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	SN 62- TDP Phú Mỹ 3- Phường Bắc Giang- tỉnh Bắc Ninh
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư hóa
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần

(5) Ông Hoàng Văn Hùng - Giám đốc Xưởng sản xuất:

Họ và tên	**Hoàng Văn Hùng**
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	09/3/1967
Nơi sinh	Mỹ Cầu, Phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh
CCCD/CMND/ Hộ chiếu	024067000419
Ngày cấp/Ngày hết hạn	14/04/2021
Nơi cấp	CA Bắc Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số 129- Đường Võ Nguyên Giáp- Phường Đa Mai- tỉnh Bắc Ninh
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư công nghệ hóa học
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	2.636 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,031% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	2.636 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,031% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần

Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

➢ **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Số lượng người lao động trong Công ty tính đến ngày 31/12/2025 là 64 người (trong đó có 3 người quản lý). Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng quỹ trợ cấp mất việc làm, quỹ phúc lợi thăm hỏi động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống,... Các Tổ chức Đảng, tổ chức

Công đoàn và tổ chức Đoàn thanh niên của Công ty cũng luôn được quan tâm xây dựng và không ngừng phát triển.

Công ty đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho toàn bộ cán bộ công nhân viên. Hàng năm Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

Công ty có chính sách khuyến học đối với cán bộ công nhân viên. Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được vừa làm vừa học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

3.Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Công ty đang triển khai Dự án "Dây chuyền thu hồi khí đuôi phóng không sản xuất CO2 tinh khiết" với các thông tin cụ thể:

- Tên dự án: Dây chuyền thu hồi khí đuôi phóng không sản xuất CO2 tinh khiết, công suất 45.000 tấn/năm.
- Địa điểm xây dựng: Xây dựng trên khu đất dự phòng phát triển sản xuất phía Đông - Bắc Công ty.
- Quy mô của dự án: Đầu tư mới, đồng bộ dây chuyền sản xuất CO2 tinh khiết, có công suất 45.000 tấn/năm.
- Tổng mức đầu tư: 104,75 tỷ VND.
- Thời gian thực hiện dự án: 12 tháng, kể từ khi ký được hợp đồng cung cấp thiết bị và thi công lắp đặt.
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2025: Đang trong quá trình xin cấp các thủ tục hành chính cho dự án từ các cơ quan có thẩm quyền.

4. Tình hình tài chính:

4.1 Tình hình tài chính

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm năm 2025 so với 2024
1	Tổng tài sản (cuối kỳ)	106.657.529.058	161.480.342.408	51,40%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	110.357.604.231	385.511.471.845	249,33%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-4.316.428.991	5.680.025.063	-231,59%

4	Lợi nhuận khác	-530.036.348	-73.612.162	-86,11%
5	Lợi nhuận trước thuế	-4.846.465.339	5.606.412.901	-215,68%
6	Lợi nhuận sau thuế	-4.846.465.339	5.364.239.433	-210,68%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	- 577	639	-210,68%

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu		ĐVT	Năm	
			2024	2025
1.	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn *(tại thời điểm 31/12)* (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,69	2,60
	Hệ số thanh toán nhanh *(tại thời điểm 31/12)* [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	1,69	2,04
2.	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản *(tại thời điểm 31/12)*	Lần	0,10	0,37
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu *(tại thời điểm 31/12)*	Lần	0,11	0,59
3.	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	12,86	26,86
	Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Vòng	0,94	2,39
4.	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**			
	Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	-0,05	0,01
	Hệ số LN sau thuế/Vốn CSH	%	-0,05	0,05
	Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	-0,05	0,033
	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / DTT	%	-0,04	0,01

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 8.400.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 8.400.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

5.2 Cơ cấu cổ đông:

➢ Tính đến ngày 19/03/2026 (ngày chốt danh sách Cổ đông thực hiện quyền tham dự ĐHĐ cổ đông thường niên), cơ cấu vốn cổ đông Công ty như sau:

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	781	8.400.000	84.000.000	100
1. Cổ đông tổ chức	4	1.080.000	10.800.000	12,86
2.Cổ đông cá nhân	737	7.320.000	73.200.000	87,14
II. Cổ đông nước ngoài	**0**	**0**	**0**	**0**

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm không tăng hoặc giảm vốn cổ phần.

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5 Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

(Đính kèm phụ lục 1: Báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, nhiệm vụ trọng tâm năm 2026)

2.Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	01-01-2025	31-12-2025	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)
Tài sản	**106.657**	**161.480**	**54.823**	**219,05%**
- Tài sản ngắn hạn	28.462	95.113	66.651	234,18%
- Tài sản dài hạn	78.195	66.367	-11.828	-15,13%
Nguồn vốn	**106.657**	**161.480**	**54.823**	**473,18%**
- Nợ phải trả	10.577	60.035	49.458	467,60%
- Vốn chủ sở hữu	96.080	101.445	5.365	5,58%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Công ty áp dụng hệ thống quản lý đơn giản hóa về các thủ tục hành chính cho nội bộ Công ty cũng như khách hàng, công việc được thực hiện bằng các quy định cụ thể. Đồng thời, Công ty cũng đã thực hiện kiện toàn quy định, quy chế làm việc, củng cố đội ngũ cán bộ, nhân viên, đầu tư trang thiết bị làm việc để nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc.

Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao chế độ chính sách chăm lo đời sống cho cán bộ, nhân viên, xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tổ chức sản xuất an toàn, ổn định và hiệu quả; tối ưu hóa điều kiện công nghệ, khai thác tối đa năng lực xúc tác nhằm duy trì năng suất và sản lượng ở mức cao.
- Chủ động kế hoạch tái sinh xúc tác và sửa chữa thiết bị, kiểm soát chặt thời gian ngừng máy; tận dụng thời điểm Công ty Đạm Hà Bắc ngừng máy để thực hiện bảo dưỡng, giảm thiểu ảnh hưởng đến sản xuất.
- Linh hoạt điều hành tiêu thụ sản phẩm theo diễn biến thị trường; giữ ổn định thị phần miền Bắc, tăng cường xuất bán vào miền Nam khi nhu cầu miến Bắc giảm, đảm bảo mức tồn kho hợp lý.
- Duy trì cơ cấu sản phẩm hợp lý; sản phẩm nồng độ loãng chiếm khoảng 25–30% tổng sản lượng, phù hợp nhu cầu thị trường và nâng cao hiệu quả tiêu thụ.
- Theo dõi sát diễn biến thị trường và tình hình nhập khẩu ôxy già; xây dựng chính sách giá bán linh hoạt, phát huy lợi thế cạnh tranh, gia tăng sản lượng tiêu thụ và hiệu quả kinh doanh.
- Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh phân bón, NH_3 và NH_4OH, khai thác hiệu quả hệ thống kho cầu nhằm nâng cao doanh thu và hiệu quả sử dụng.
- Hoàn thành triển khai dự án thu hồi khí đuôi để sản xuất CO_2 tinh khiết, phấn đấu đưa dây chuyền vào vận hành vào tháng 7 năm 2026, góp phần đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo cung ứng vật tư, hóa chất kịp thời; kiểm soát tồn kho và chi phí vốn; tăng cường kỷ luật lao động, an toàn, vệ sinh công nghiệp và bảo vệ môi trường sản xuất.

5.Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có giải trình vì không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

Xem chi tiết ở phục lục đính kèm (Báo cáo của Hội đồng quản trị)

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: HĐQT gồm 5 người trong đó có 3 thành viên không điều hành. Không có thành viên HĐQT độc lập.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại công ty	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cá nhân cuối kỳ
1	Trương Xuân Hoàng	- Chủ tịch HĐQT	
2	Nguyễn Thế Hùng	- Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	
3	Nguyễn Minh Hoà	- Thành viên HĐQT	
4	Kiều Anh Tuấn	- Thành viên HĐQT	
5	Hà Văn Hùng	- Thành viên HĐQT - Phó tổng giám đốc	

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

1.3 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành:

Các thành viên HĐQT không điều hành đã làm đúng chức năng của mình.

1.4 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

1.5 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban kiểm soát:

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại công ty	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cá nhân cuối kỳ
1	Nguyễn Thuý Nguyên	Trưởng BKS	
2	Nguyễn Thị Huyền Thương	Thành viên BKS	
3	Dương Thị Trang	Thành viên BKS	

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Xem phụ lục đính kèm (Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát)

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Chủ tịch HĐQT thù lao là: 7.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT thù lao là: 5.000.000 đồng/tháng
- Trưởng ban kiểm soát thù lao là: 5.000.000 đồng/tháng
- Thư ký HĐQT thù lao là: 1.500.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS thù lao là: 3.500.000 đồng/tháng.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty đã thực hiện tốt các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng theo thông tư số Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính.

VI. Báo cáo tài chính:

Xem phụ lục: Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Nơi nhận:
- UBCKNN; SGDCKHN;
- Lưu: P.TCKT.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC

Nguyễn Thế Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN
HOÁ CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bắc Ninh, ngày 19 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO
Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, nhiệm vụ trọng tâm năm 2026

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2025, hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế chung khó khăn, thị trường tiêu thụ chậm, nhu cầu suy giảm, giá bán sản phẩm H_2O_2 duy trì ở mức thấp, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất – kinh doanh. Bên cạnh đó, việc Công ty Đạm Hà Bắc ngừng máy dài ngày để sửa chữa đã làm gián đoạn sản xuất, giảm sản lượng và ảnh hưởng đến kế hoạch vận hành của Công ty.

Trong năm, sản xuất được duy trì nhưng chưa ổn định do các đợt ngừng máy ngắn hạn và dài hạn phát sinh từ việc Đạm Hà Bắc ngừng máy, điều kiện thời tiết bất lợi và điện lưới không ổn định. Trong các lần ngừng máy, Công ty đã chủ động thực hiện sửa chữa, cải tạo và bảo dưỡng thiết bị nhằm nâng cao độ ổn định và an toàn hệ thống.

Sau khi tái sinh xúc tác trong đợt ngừng máy dài ngày, cùng với Công ty cải tạo hệ thống thu hồi khí thùng chứa, cải tạo hệ thống phân ly cấp hai khí cuối hydro hoá, cải tạo hệ thống thu hồi khí cuối Ôxy hoá toàn hệ thống được đưa vào vận hành trở lại từ cuối tháng 9/2025, điều kiện vận hành ổn định, năng suất được cải thiện rõ rệt; sản lượng bình quân đạt khoảng 40 tấn/ngày, mức cao nhất từ trước đến nay, đồng thời tiêu hao hydrocac bon thơm giảm đáng kể, góp phần quan trọng vào việc thực hiện kế hoạch sản lượng năm 2025.

Giá bán sản phẩm trong năm nhìn chung vẫn ở mức thấp, dù có thời điểm tăng nhẹ nhưng vào đúng đợt phải dừng máy dài ngày nên hiệu quả kinh tế chưa cao. Công ty đã chủ động các giải pháp mua hàng nhập khẩu để duy trì nguồn cung cho khách hàng truyền thống, giữ ổn định thị trường và uy tín doanh nghiệp.

Nhìn chung, dù phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, Công ty đã nỗ lực duy trì sản xuất, khắc phục hạn chế và tận dụng thời gian ngừng máy để củng cố hệ thống, tạo nền tảng cho việc ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất – kinh doanh trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025.

(Có biểu kèm theo)

Trong năm 2025, doanh thu bán sản phẩm oxy già đạt 76,99 tỷ đồng; doanh thu kinh doanh NH_3 (bao gồm sản phẩm NH_4OH) đạt 308,477 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế, bao gồm cả hoạt động kinh doanh thương mại, đạt 5,606 tỷ đồng. Tình hình tài chính của Công ty tiếp tục duy trì ổn định và lành mạnh; công tác thu hồi

tiền bán hàng được thực hiện đúng hạn, không phát sinh nợ xấu; nguồn tiền nhàn rỗi được quản lý và sử dụng hiệu quả, đảm bảo an toàn và phát huy hiệu quả vốn.

2. Tình hình sản xuất.

- Trong năm 2025, hoạt động sản xuất của Công ty diễn ra trong điều kiện còn nhiều khó khăn, chịu ảnh hưởng đáng kể từ sự cố thiết bị phía Công ty Đạm và diễn biến không ổn định của điện lưới, đặc biệt trong Quý III. Mặc dù vậy, với sự chủ động trong công tác điều hành, quản lý kỹ thuật và tổ chức sản xuất, Công ty đã từng bước khắc phục khó khăn, duy trì vận hành an toàn, ổn định và đảm bảo chất lượng sản phẩm.

- Tính chung cả năm, thời gian chạy máy đạt 258,4 ngày, bằng 85,7 % so với năm 2024; thời gian ngừng sản xuất là 106,6 ngày với tổng cộng 40 lần ngừng máy. Nguyên nhân ngừng máy chủ yếu do kế hoạch cắt khí và sự cố thiết bị từ Công ty Đạm Hà Bắc, chiếm 10 lần với thời gian 96 ngày; bên cạnh đó là các lần ngừng do điện lưới dao động 26 lần (tổng thời gian là 2 ngày), còn lại do sự cố thiết bị điện - đo lường và các đợt ngừng máy theo kế hoạch để tháo dỡ, tái sinh xúc tác và cải tạo thiết bị công nghệ.

- Về tình hình công nghệ, trong nửa đầu năm tình hình vận hành nhìn chung tương đối ổn định, tuy nhiên nhiệt độ xúc tác tăng cao và trở lực tháp T1101 lớn, làm giảm hiệu quả sản xuất. Trước tình hình đó, cuối tháng 2/2025 Công ty đã chủ động tổ chức ngừng máy để tháo dỡ, tái sinh xúc tác và điều chỉnh phương án lắp xúc tác tháp T1101, đồng thời kết hợp cải tạo, điều chỉnh tháp chiết. Sau khi tái sinh xúc tác và đưa hệ thống vào vận hành trở lại, hiệu suất hydro hóa được cải thiện rõ rệt. Từ tháng 9/2025, xúc tác sau tái sinh phát huy hiệu quả tốt, hiệu suất hydro hóa đạt 6,7 ÷ 6,8 g/l; lưu lượng tuần hoàn dịch công tác được khống chế ổn định ở mức 145 ÷ 150 m^3/h, góp phần nâng cao hiệu quả vận hành và ổn định chất lượng sản phẩm trong các tháng cuối năm.

- Công tác cải tạo hoàn thiện tháp chiết đã mang lại kết quả tích cực. Công ty đã triển khai nhiều đợt điều chỉnh, bao gồm lắp bổ sung 39 tấm chặn, thay thế các tấm khay không phù hợp và tiếp tục lắp thêm tấm chặn tại các khay từ số 3 đến số 19 nhằm giảm số lượng lỗ trên mỗi tấm khay. Sau các đợt cải tạo, nồng độ chiết dư đã giảm xuống mức 0,13 ÷ 0,15 g/l, nồng độ chiết xuất đạt 303 ÷ 320 g/l, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và mục tiêu đề ra, (ước cả năm thu hồi thêm được 250 tấn H_2O_2 nồng độ 50%) đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm áp lực ở khâu xử lý sau, khắc phục triệt để các tồn tại trong vận hành trước đây.

- Về thực hiện các định mức kỹ thuật: Hầu hết các định mức tiêu hao chính như khí hydro và điện năng đều thấp hơn hoặc tiệm cận kế hoạch. Một số định mức có tăng so với kế hoạch như hơi nước 0,49 MPa, chủ yếu do gia nhiệt dịch công tác. Tổng giá trị tiết giảm chi phí tiêu hao chính đạt 2,467 tỷ đồng so với kế hoạch và giảm 2,147 tỷ đồng so với năm 2024.

Nhìn chung, công tác quản lý định mức được kiểm soát chặt chẽ và nằm trong giới hạn cho phép.

- Công tác quản lý chất lượng sản phẩm trong năm được thực hiện nghiêm túc và hiệu quả. Chất lượng sản phẩm duy trì ổn định, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ

thuật, cũng như tiêu chuẩn chất lượng và nhu cầu của thị trường, không phát sinh khiếu nại lớn từ khách hàng, góp phần giữ vững uy tín và thương hiệu của Công ty.

3. Công tác thị trường, tiêu thụ sản phẩm.

- Công ty đã chủ động theo dõi diễn biến thị trường, cuối năm có điều chỉnh giá bán tăng nhẹ so với đầu năm, phù hợp với biến động tỷ giá USD và chi phí đầu vào. Công tác tiêu thụ được tổ chức linh hoạt, cân đối với sản xuất, ưu tiên thị trường miền Bắc; lượng sản phẩm còn lại được tiêu thụ tại thị trường miền Nam và xuất khẩu sang thị trường Lào. Giá bán bình quân sản phẩm đặc 50% đạt 8.288 đồng/kg (đã trừ chi phí vận chuyển vào miền Nam). Tỷ lệ tiêu thụ sản phẩm loãng chiếm 24% tổng sản lượng bán; sản lượng xuất khẩu sang Lào đạt 432,66 tấn; tiêu thụ tại miền Nam (quy đặc) đạt 771,776 tấn; tiêu thụ miền Trung sản phẩm 50% đạt 362,52 tấn; lượng nhập thương mại đạt 441,06 tấn quy đổi 50%.

- Hoạt động kinh doanh NH_3: Trong năm Công ty đã tiêu thụ 22.781,64 tấn NH_3 và 209,99 tấn NH_4OH, góp phần quan trọng vào doanh thu và hiệu quả sản xuất kinh doanh chung.

4. Công tác tổ chức, lao động và tiền lương.

- Trong năm 2025, Công ty duy trì lực lượng lao động cơ bản ổn định, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và công tác quản lý. Tổng số lao động thường xuyên trong năm dao động từ 62 đến 64 người, trong đó có 03 cán bộ quản lý. Tháng 02/2025, Công ty tuyển dụng bổ sung 03 lao động và thành lập bộ phận bảo vệ thay thế đơn vị bảo vệ theo hợp đồng. Đến tháng 9/2025, Công ty tiếp tục tuyển dụng thêm 02 lái xe xitéc NH_3 để phục vụ công tác vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm, nâng tổng số lao động lên 64 người.

- Chế độ tiền lương, tiền thưởng được thực hiện đúng quy định, chi trả kịp thời, gắn với năng suất và hiệu quả công việc. Trong thời gian dừng máy dài ngày, số lao động Công ty không bố trí được việc làm được chi trả 85% lương cơ bản trên cơ sở không thấp hơn lương tối thiểu vùng; thu nhập bình quân của người lao động đạt 9,602 triệu đồng/người/tháng, góp phần ổn định đời sống và tạo sự yên tâm, gắn bó với Công ty. Công tác đào tạo, huấn luyện chuyên môn và an toàn lao động được duy trì thường xuyên; các chế độ bảo hiểm, an sinh xã hội và chăm lo đời sống người lao động được thực hiện đầy đủ, đảm bảo môi trường làm việc ổn định, đoàn kết và trách nhiệm.

5. Công tác đầu tư - Sửa chữa.

- Hoàn thành việc chạy thử hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và được Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Giang ban hành Công văn xác nhận hoàn thành vào ngày 12/3/2025, đủ điều kiện vận hành theo quy định về bảo vệ môi trường.

- Hoàn thành cải tạo tháp chiết theo yêu cầu kỹ thuật, góp phần nâng cao hiệu quả công nghệ, ổn định chất lượng sản phẩm và giảm các chỉ tiêu chiết dư trong quá trình vận hành.

- Hoàn thành cải tạo hệ thống thu hồi khí thùng chứa, khí cuối Ôxy hoá và phân ly khí cuối hydro hoá góp phần giảm định mức tiêu hao hydrocacbon thơm và khí hydro nguyên liệu.

- Công ty đã làm các thủ tục môi trường (ĐTM) liên quan đến đầu tư dự án sản xuất CO_2. Ngày 07/8/2025, Công ty đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1), đủ điều kiện về môi trường triển khai dự án sản xuất CO_2 tinh khiết.

- Ban hành hồ sơ và thực hiện lựa chọn nhà thầu gói thầu gói thầu: "Thiết kế, cung cấp hàng hóa, lắp đặt, đào tạo, chuyển giao công nghệ, vận hành chạy thử và bàn giao dây chuyền sản xuất CO_2 lỏng tinh khiết công suất 45.000 tấn/năm (Ngày 22/8/2025).

- Triển khai gói thầu: Tháo dỡ và vận chuyển vật liệu sau tháo dỡ Nhà đóng nạp sản phẩm, nhà kho, khu vệ sinh để chuẩn bị mặt bằng xây dựng nhà máy CO_2 (Ngày 03/10/2025).

- Ban hành Hồ sơ chào hàng cạnh tranh và lựa chọn xong nhà thầu gói thầu: Khảo sát, lập Phương án tuyến ống, thiết kế bản vẽ thi công, cung cấp vật tư, thi công lắp đặt đường ống dẫn khí CO_2 nguyên liệu.

- Ban hành Hồ sơ chào hàng cạnh tranh và lựa chọn xong nhà thầu gói thầu: Khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công, cung cấp vật tư, thi công lắp đặt, lập hồ sơ hoàn công, hướng dẫn vận hành hệ thống đường dây và trạm biến áp 6/0,4kV, hệ thống tủ phân phối điện trung áp.

- Hoàn thành việc đấu nối, đấu phối hệ thống các bồn cầu chứa NH_3 và nước NH_4OH, đưa hệ thống vào khai thác sử dụng an toàn, ổn định và đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh.

- Trong năm 2025, Công ty đã đầu tư thêm 02 xe đầu kéo và sơ mi rơ-moóc xitéc để phục vụ hoạt động kinh doanh NH_3; các phương tiện này đã được đưa vào sử dụng từ ngày 06/9/2025, góp phần chủ động công tác vận chuyển và nâng cao hiệu quả tiêu thụ NH_3.

6. Công tác tài chính.

- Trong năm 2025, tình hình tài chính của Công ty cơ bản lành mạnh và ổn định, đảm bảo đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công ty không phát sinh nợ khó đòi, công tác quản lý công nợ được thực hiện chặt chẽ, thu hồi tiền bán hàng đúng hạn.

- Nguồn tiền nhàn rỗi được quản lý và khai thác hiệu quả, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Các khoản tạm ứng và thanh toán được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn và đúng quy định, đảm bảo tính minh bạch và an toàn tài chính.

III. CÔNG VIỆC TRỌNG TÂM NĂM 2026.

- Tổ chức sản xuất an toàn, ổn định và hiệu quả; tối ưu hóa điều kiện công nghệ, khai thác tối đa năng lực xúc tác nhằm duy trì năng suất và sản lượng ở mức cao.

- Chủ động kế hoạch tái sinh xúc tác và sửa chữa thiết bị, kiểm soát chặt thời gian ngừng máy; tận dụng thời điểm Công ty Đạm Hà Bắc ngừng máy để thực hiện bảo dưỡng, giảm thiểu ảnh hưởng đến sản xuất.

- Linh hoạt điều hành tiêu thụ sản phẩm theo diễn biến thị trường; giữ ổn định thị phần miền Bắc, tăng cường xuất bán vào miền Nam khi nhu cầu miến Bắc giảm, đảm bảo mức tồn kho hợp lý.

- Duy trì cơ cấu sản phẩm hợp lý; sản phẩm nồng độ loãng chiếm khoảng 25–30% tổng sản lượng, phù hợp nhu cầu thị trường và nâng cao hiệu quả tiêu thụ.

- Theo dõi sát diễn biến thị trường và tình hình nhập khẩu ôxy già; xây dựng chính sách giá bán linh hoạt, phát huy lợi thế cạnh tranh, gia tăng sản lượng tiêu thụ và hiệu quả kinh doanh.

- Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh phân bón, NH_3 và NH_4OH, khai thác hiệu quả hệ thống kho cầu nhằm nâng cao doanh thu và hiệu quả sử dụng.

- Hoàn thành triển khai dự án thu hồi khí đuôi để sản xuất CO_2 tinh khiết, phấn đấu đưa dây chuyền vào vận hành vào tháng 7 năm 2026, góp phần đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Đảm bảo cung ứng vật tư, hóa chất kịp thời; kiểm soát tồn kho và chi phí vốn; tăng cường kỷ luật lao động, an toàn, vệ sinh công nghiệp và bảo vệ môi trường sản xuất.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, NVTH.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thế Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC

TỔNG HỢP KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	TÍCH LUỸ NĂM 2025			SO VỚI CÙNG KỲ	
			Kế hoạch năm 2025	Thực hiện 12 tháng	So với KH năm (%)	Thực hiện cùng kỳ 2024	So với cùng kỳ %
*	**Số ngày chạy máy**	ngày	206	258,4	125,4	302,0	85,6
I	**Sản lượng SX H_2O_2 quy 50%**	**tấn**	**11.014**	**10.215,76**	92,8	**11.001,5**	**92,9**
1	Ôxy già 50%	tấn	7.564	8.043,19	106,3	8.662,6	92,8
2	Ôxy già 35%	tấn	2.000	1.455,20	72,8	2.091,6	69,6
3	Ôxy già 30%	tấn	3.000	1.478,15	49,3	1.486,1	99,5
4	Ôxy già 27,5%	tấn	0	45,35	-	-459,8	-9,9
5	Ôxy già 25%	tấn	500	484,2	96,8	472,1	102,6
II	**Sản lượng tiêu thụ quy 50%**	**tấn**	**11.014**	**9.040,97**	**82,1**	**11.469,7**	**78,8**
1	Ôxy già 50%	tấn	7.564	6.867,51	90,8	8.809,7	78,0
2	Ôxy già 35%	tấn	2.000	1.455,20	72,8	2.109,4	69,0
3	Ôxy già 30%	tấn	3.000	1.478,15	49,3	1.486,1	99,5
4	Ôxy già 27,5%	tấn	0	47,00	-	101,3	-
5	Ôxy già 25%	tấn	500	484,16	96,8	472,1	102,6
III	**Giá trị sửa chữa lớn**	**1000 đ**	**7.177.871**	**3.211.116**	**44,7**	**8.565.306,0**	**37,5**
	Tr.đó: Phân bổ vào GT SP	*1000 đ*	7.177.871	3.211.116	44,7	8.565.304,9	37,5
IV	**Lao động**						
1	Tổng số lao động	người	62	62	100,7	59,3	105,3
2	Trong đó: Người lao động	người	59	59	100,7	55,8	106,6
V	**Doanh thu bán SP H_2O_2**	**1000 đ**	**93.567.200**	**76.995.985**	**82,3**	**93.315.236**	82,5
VI	**Lợi nhuận trước thuế**	**1000 đ**	**616.980**	**5.606.413**	**908,7**	**-4.846.465**	

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Văn Tuân

CÔNG TY CỔ PHẦN
HOÁ CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
về kết quả hoạt động năm 2025, định hướng năm 2026

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị (HĐQT) báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động năm 2025, định hướng năm 2026 như sau:

I- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025.

1. Nhân sự Hội đồng quản trị năm 2025

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hoá chất Hưng Phát Hà Bắc năm 2025 gồm có các thành viên sau đây:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ô. Trương Xuân Hoàng	Chủ tịch HĐQT	24/4/2023	
2	Ô. Nguyễn Tống Luận	Thành viên	24/4/2023	23/4/2025
3	Ô. Nguyễn Thế Hùng	Thành viên	23/4/2025	
4	Ô.Nguyễn Minh Hòa	Thành viên	24/4/2023	
5	Ô. Kiều Anh Tuấn	Thành viên	24/4/2023	
6	Ô. Hà Văn Hùng	Thành viên	24/4/2023	

2. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HPCO	03/01/2025	QĐ v/v thông qua giao dịch với người có liên quan

2	02/QĐ-HPCO	03/2/2025	QĐ v/v thông qua giao dịch với người có liên quan
3	157/QĐ-HPCO	23/4/2025	QĐ phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025
4	236/QĐ-HPCO	18/8/2025	QĐ lựa chọn nhà thầu gói thầu "Thiết kế, cung cấp hàng hóa, lắp đặt, đào tạo, chuyển giao công nghệ, vận hành chạy thử và bàn giao dây chuyền sản xuất CO_2 lỏng tinh khiết công suất 45.000 tấn/năm" thuộc Dự án đầu tư xây dựng dây chuyền thu hồi khí đuôi phóng không sản xuất CO_2 tinh khiết công suất 45.000 tấn/năm
5	242/QĐ-HPCO	21/8/2025	QĐ Về việc phê duyệt kết quả thương thảo hợp đồng gói thầu "Thiết kế, cung cấp hàng hóa, lắp đặt, đào tạo, chuyển giao công nghệ, vận hành chạy thử và bàn giao dây chuyền sản xuất CO_2 lỏng tinh khiết công suất 45.000 tấn/năm" thuộc Dự án đầu tư xây dựng dây chuyền thu hồi khí đuôi phóng không sản xuất CO_2 tinh khiết công suất 45.000 tấn/năm
6	291/QĐ-HPCO	10/11/2025	QĐ phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện của người lao động và người quản lý Công ty năm 2025.
7	12/QĐ-HĐQT	29/12/2025	QĐ v/v thông qua giao dịch với Người có liên quan
8	01/NQ-HĐQT	03/01/2025	Nghị quyết phiên họp lần 01 -năm 2025 của HĐQT Công ty.
9	90/NQHĐQT-HPCO	24/2/2025	NQ v/v tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
10	06/NQHĐQT-HPCO	14/4/2025	Nghị quyết v/v thông qua giao dịch vay vốn từ người có liên quan của cổ đông lớn
11	11/NQHĐQT-HPCO	26/12/2025	Nghị quyết phiên họp lần thứ 11 năm 2025

3. Kết quả công tác quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị

Công tác quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị luôn tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế của Công ty; triển khai có hiệu quả các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của cổ đông; thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Công ty.

4. Kết quả công tác giám sát

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cũng được duy trì thường xuyên. Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chồng chéo đến công tác điều hành của Tổng giám đốc Công ty. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị như sau:

a) Đối với Ban Tổng giám đốc Công ty:

Năm 2025, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị đã đề ra, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty; trong thực hiện nhiệm vụ luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tính năng động sáng tạo, đoàn kết vượt qua khó khăn, cụ thể:

- Ban Tổng giám đốc đã đưa ra các cơ chế, chính sách về lao động, tài chính, thị trường hợp lý, đảm bảo sản xuất ổn định, an toàn.

- Thực hiện tốt chính sách tiền lương, thưởng và quan tâm đến đời sống về nhiều mặt cho người lao động; môi trường làm việc của người lao động tiếp tục được cải thiện.

b) Đối với cán bộ quản lý các phòng, đơn vị trực thuộc:

- Lãnh đạo các phòng ban trong công ty, xưởng sản xuất đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; các nhiệm vụ do Tổng giám đốc Công ty triển khai được các phòng ban trong công ty, xưởng sản xuất thực hiện kịp thời.

- Tập thể người lao động trong Công ty luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, thực hiện chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ được giao, góp phần vào kết quả chung của Công ty.

5. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Một số chỉ tiêu chính:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2025	Thực hiện năm 2025	So với (%) KH năm
1	Giá trị tổng sản lượng	Tỷ đồng	79,3	73,5	92,7%
2	Sản lượng sản xuất (Quy 50%)	Tấn	11.014	10.216	92.8%

3	Sản lượng tiêu thụ (Quy 50%)	Tấn	11.014	9.041	82,09%
4	Doanh thu sản phẩm H_2O_2	Tỷ đồng	93,56	76,99	82,3 %
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	616,980	5.606	908,6%

6. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, Ban điều hành.

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp 12 lần, các thành viên HĐQT đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, cụ thể:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự họp/ Ghi chú
1	Ô. Trương Xuân Hoàng	12/12	100%	
2	Ô. Nguyễn Tống Luận	06/12	50%	Miễn nhiệm Thành viên HĐQT ngày 23/4/2025
3	Ô. Nguyễn Thế Hùng	06/12	50%	Trúng cử Thành viên HĐQT ngày 23/4/2025
4	Ô.Nguyễn Minh Hòa	12/12	100%	
5	Ô. Hà Văn Hùng	12/12	100%	
6	Ô. Kiều Anh Tuấn	12/12	100%	

- Các thành viên Hội đồng quản trị đã cùng thông qua các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

- Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty trong chỉ đạo điều hành luôn tuân thủ nghiêm túc Điều lệ Công ty, bám sát các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao trên cơ sở nắm bắt diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô, biến động của thị trường để chỉ đạo, định hướng các hoạt động của Công ty. Giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như các Nghị quyết và chỉ đạo HĐQT Công ty.

- HĐQT tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định, khi cần thiết HĐQT tổ chức các cuộc họp đột xuất để chỉ đạo kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động SX-KD của Công ty.

- HĐQT đã kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh, đặc biệt vấn đề liên quan đến các mặt hoạt động SXKD, tiến độ thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, các vấn đề vướng mắc cần tháo gỡ.

- HĐQT tổ chức Đại hội cổ đông thường niên, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung: Báo cáo thực hiện hoạt động SX-KD, phương hướng nhiệm vụ, báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán và các nội dung khác trong chương trình họp.

- Năm 2025, kiểm điểm các công tác thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên, HĐQT đã nhất trí đánh giá các thành viên hoàn thành nhiệm vụ được giao. Các thành viên HĐQT làm việc với thái độ trung thực, khách quan, không vụ lợi, vì lợi ích của Công ty, thực hiện đúng theo các nội quy, quy chế hoạt động của Công ty quy định.

7. Về thù lao HĐQT:

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị được Công ty chi trả thù lao theo mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua

- Chủ tịch HĐQT: 7.000.000 đồng/tháng x 12 tháng = 84.000.000 đồng.

- Thành viên HĐQT:

5.000.000 đồng/người/tháng x 04 người x 12 tháng = 240.000.000 đồng.

Tổng mức thù lao của HĐQT: 324.000.000 đồng/năm.

8. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ :

Công ty Ký kết hợp đồng vay vốn với người có liên quan với cổ đông lớn của Công ty.

9. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

a. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)

Công ty có giao dịch với công ty cổ phần khí công nghiệp Bắc Hà:

- Mua khí nito lỏng với giá trị: 141,8 triệu đồng;

- Bán NH4OH với giá trị : 231 triệu đồng.

b. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành:

+ Công ty có giao dịch với Công ty TNHH Thương mại KCN Việt Anh:

- Bán NH_3 lỏng với giá trị: 24,36 tỷ đồng.

- Thuê xe vận chuyển NH3 với giá trị: 7,96 tỷ đồng.

+ Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Hoàng Anh: Thuê xe vận chuyển NH3 với giá trị: 8,9 tỷ đồng.

II- ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2026

A. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2026

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2026
1	Giá trị tổng sản lượng	tỷ đồng	**80,136**
2	Sản lượng sản xuất H_2O_2 (quy về nồng độ 50%)	tấn	**11.130**
3	Sản lượng tiêu thụ (quy về nồng độ 50%)	tấn	**11.800**
4	Doanh thu sản phẩm H_2O_2	tỷ đồng	**98,51**
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	**5,31**

B. Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị năm 2026

- Tăng cường công ty tác quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty trên mọi lĩnh vực;
- Giám sát và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc điều hành sản xuất đảm bảo an toàn, ổn định với phụ tải cao, hiệu quả và thực hiện đồng bộ các biện pháp nhằm tiết giảm chi phí, định mức tiêu hao góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng và củng cố mạng lưới phân phối và tiêu thụ sản phẩm bảo đảm phát triển bền vững. Triển khai kinh doanh đa ngành, tập trung khai thác các lợi thế hiện có của Công ty, đẩy mạnh kinh doanh thêm sản phẩm NH_3, nước NH_4OH, phân đạm…
- Tiếp tục chỉ đạo triển khai Dự án đầu tư xây dựng dây chuyền thu hồi khí đuôi phóng không sản xuất CO_2 tinh khiết công suất 45.000 tấn/năm thuộc dự án đầu tư: " dây chuyền sản xuất Hydrogen peroxide (H_2O_2) công suất 10.000 tấn/năm và dây chuyền thu hồi khí đuôi phóng không sản xuất CO_2 tinh khiết công suất 45.000 tấn/năm"
- Tiếp tục nâng cao hiệu lực hiệu quả quản trị Công ty, nâng cao năng lực quản lý điều hành của các cán bộ nhân viên. Tổ chức lại hệ thống quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2025, định hướng năm 2026, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Thay mặt HĐQT, tôi xin kính chúc Đại hội thành công, chúc các Quý cổ đông dồi dào sức khoẻ, hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng cảm ơn !.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N: 2400395807 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC
PHƯỜNG BẮC GIANG - TỈNH BẮC NINH

Trương Xuân Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN
HOÁ CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh , ngày tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc!

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát Công ty Cổ Phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông(ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty trong năm 2025 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2025.

Năm 2025 Ban kiểm soát đã thực hiện vai trò giám sát các hoạt động kiểm soát, hoàn thành kế hoạch và các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể tập trung vào các vấn đề chính sau:

1.1. Giám sát việc tuân thủ Điều lệ Công ty, tuân thủ Luật doanh nghiệp và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.2. Kiểm soát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết HĐQT.

1.3. Ban kiểm soát cử người tham gia các cuộc họp HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư xây dựng và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

1.4. Xem xét báo cáo tài chính, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như đánh giá ảnh hưởng các vấn đề trọng yếu được nêu trong báo cáo kiểm toán. Đồng thời, giám sát việc thực hiện các kiến nghị do cơ quan kiểm toán đưa ra, từ đó đề xuất kiến nghị các giải pháp phù hợp cho Ban điều hành.

1.5.Giám sát việc thực hiện các quy trình nội bộ. Có ý kiến đóng góp kịp thời để Công ty điều chỉnh và tuân thủ các nguyên tắc theo đúng quy định.

II. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2025.

2.1- Căn cứ thẩm tra báo cáo tài chính của Công ty

Báo cáo tài chính năm 2025 do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Với các chỉ tiêu tài chính cơ bản Công ty đã thực hiện:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

(đơn vị tính: triệu đồng)

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tăng(giảm)%
1	Doanh thu H2O2	93,56	76,99	82.3%
2	Lợi nhuận trước thuế	616	5.606	908%

Doanh thu H2O2 giảm là do giá bán sản phẩm không đạt như kỳ vọng (giá bán H2O2 phụ thuộc vào giá nhập khẩu của thế giới bán tại thị trường Việt Nam) và sản lượng sản xuất giảm do Công ty Phân Đạm Hà Bắc ngừng máy sự cố dài ngày.

Lợi nhuận tăng mạnh là do mở rộng thêm mảng vận chuyển hóa chất (NH3 lỏng)

2. Bảng cân đối kế toán (dạng rút gọn)

(đơn vị tính: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ 31/12/2025	Số đầu kỳ 01/01/2025	Chênh lệch
(a)	*(1)*	*(2)*	*(3)=(1)-(2)*
TÀI SẢN			
A. Tài sản ngắn hạn	95.113	28.462	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	52.367	11.827	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.000		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	21.128	5.866	
IV. Hàng tồn kho	20.617	10.639	
V. Tài sản ngắn hạn khác		129	
B. Tài sản dài hạn	66.366	78.195	
I. Tài sản cố định	57.408	67.211	
II. Tài sản dài hạn khác	8.957	10.984	
Tổng cộng tài sản	**161.480**	**106.657**	

NGUỒN VỐN			
C. Nợ phải trả	60.035	10.577	
I. Nợ ngắn hạn	36.598	10.577	
II. Nợ dài hạn	23.437		
D. Vốn chủ sở hữu	101.444	96.080	
I. Vốn góp của chủ sở hữu	84.000	84.000	
II. Quỹ đầu tư phát triển	9.385	9.385	
III. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.058	2.694	
Tổng cộng nguồn vốn	**161.480**	**106.657**	

2.2- Kết quả thẩm tra báo cáo tài chính năm 2025

* Ban kiểm soát xác nhận: Báo cáo tài chính năm 2025 do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán được lập phù hợp với các quy định hiện hành, đủ độ tin cậy.

III. Giám sát về công tác quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc, các phòng ban và kiến nghị

3.1 Giám sát về công tác quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc, các phòng ban

- Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết ĐHĐCĐ, đúng Điều lệ của Công ty; thực hiện giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông; tổ chức và duy trì các cuộc họp thường kỳ theo quy định của Điều lệ, trong các cuộc họp đều ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc Công ty thực hiện.

- Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện nghiêm túc các nội dung, kết luận của Hội đồng quản trị. Thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty, thực hiện nộp ngân sách Nhà nước; chăm lo đời sống, đảm bảo tiền lương, thu nhập ổn định cho người lao động.

- Các phòng ban nghiệp vụ của Công ty thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được giao và có sự phối hợp hoạt động tốt, tổ chức xây dựng kế hoạch SXKD hàng quý, năm đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty. Việc mở sổ sách kế toán, tổ chức ghi chép, hạch toán và lưu trữ chứng từ được Phòng Tài chính - Kế toán của Công ty thực hiện đúng quy định.

3.2 Kiến nghị:

Bước sang năm 2026, Công ty rà soát và hoàn thiện các thủ tục pháp lý bắt buộc.

Tập trung đẩy mạnh sản xuất, hoàn thiện hồ sơ đầu tư, xây dựng kế hoạch SXKD, đề ra các mục tiêu, giải pháp cụ thể nhằm đạt được các chỉ tiêu theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông đề ra. Phát huy năng lực của máy móc, thiết bị đã đầu tư, sửa chữa. Hoàn thành xây dựng nhà máy CO2 đưa sản phẩm ra thị trường tiêu thụ. Định hướng phát triển tốt cho sản phẩm mới và duy trì ổn định phát triển các sản phẩm dịch vụ đã thực hiện.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát trong năm 2026

Căn cứ định hướng về kế hoạch kinh doanh của Công ty, BKS xác định phương hướng hoạt động năm 2026 tập trung vào các nội dung sau:

4.1. Tăng cường nâng cao hoạt động giám sát tuân thủ đối với các nội dung yêu cầu của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ Công ty.

4.2. Cử người tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT để nắm bắt và đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.

4.3. Tổ chức xem xét kiểm tra và thẩm định báo cáo tài chính năm 2026.

4.4. Kiểm tra việc thực hiện công bố thông tin đến các cổ đông và nhà đầu tư.

4.5. Thực hiện các công tác khác theo quy định.

Trên đây là nội dung báo cáo hoạt động của ban kiểm soát, kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT Cty;
- Giám Đốc CTy;
- Các TV BKS;
- Lưu BKS.

TM.BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thúy Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 34
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 21 tháng 08 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tổ dân phố Hòa Yên, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Xuân Hoàng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thế Hùng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2025)
Ông Nguyễn Minh Hòa	Thành viên	
Ông Hà Văn Hùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Tống Luận	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2025)
Ông Kiều Anh Tuấn	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thế Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Hà Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thúy Nguyên	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Thành viên
Bà Dương Thị Trang	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Nguyễn Thế Hùng - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 2400395807 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC
PHƯỜNG BẮC GIANG - TỈNH BẮC NINH

Nguyễn Thế Hùng
Tổng Giám đốc
Bắc Ninh, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Số: 250326.028/BCTC.KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được lập ngày 24 tháng 03 năm 2026, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Hoàng Thị Thu Hương	**Lê Văn Hưng**
Giám đốc Kiểm toán	Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0899-2023-002-1	số: 3953-2023-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**95.113.553.880**	**28.462.146.580**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**52.367.369.865**	**11.827.118.466**
111	1. Tiền		32.367.369.865	4.827.118.466
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	7.000.000.000
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**4**	**1.000.000.000**	**-**
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000.000	-
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**21.128.889.812**	**5.866.468.042**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	10.737.019.025	4.709.703.700
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	7.787.755.565	763.983.611
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.604.115.222	392.780.731
140	**IV. Hàng tồn kho**	**8**	**20.617.294.203**	**10.639.484.192**
141	1. Hàng tồn kho		20.617.294.203	10.639.484.192
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**-**	**129.075.880**
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	99.092.639
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	29.983.241
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**66.366.788.528**	**78.195.382.478**
220	**II. Tài sản cố định**		**57.408.870.974**	**67.211.146.101**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	57.408.870.974	67.211.146.101
222	*- Nguyên giá*		*222.849.056.241*	*218.136.453.279*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(165.440.185.267)*	*(150.925.307.178)*
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**	**9**	**1.268.485.037**	**238.000.000**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.268.485.037	238.000.000
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**7.689.432.517**	**10.746.236.377**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	7.689.432.517	10.746.236.377
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**161.480.342.408**	**106.657.529.058**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
300	**C.**	**NỢ PHẢI TRẢ**		**60.035.667.294**	**10.577.093.377**
310	**I.**	**Nợ ngắn hạn**		**36.598.167.294**	**10.577.093.377**
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	13	29.625.231.096	5.885.252.388
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	25.068.336	417.201.294
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	549.508.149	1.556.823
314	4.	Phải trả người lao động		1.416.428.790	1.211.243.959
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	16	895.208.161	386.714.316
319	6.	Phải trả ngắn hạn khác	17	2.473.524.880	2.029.839.697
320	7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	1.562.500.000	-
322	8.	Quỹ khen thưởng phúc lợi		50.697.882	645.284.900
330	**II.**	**Nợ dài hạn**		**23.437.500.000**	**-**
338	1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12	23.437.500.000	-
400	**D.**	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**101.444.675.114**	**96.080.435.681**
410	**I.**	**Vốn chủ sở hữu**	**18**	**101.444.675.114**	**96.080.435.681**
411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu		84.000.000.000	84.000.000.000
411a	-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*84.000.000.000*	*84.000.000.000*
418	2.	Quỹ đầu tư phát triển		9.385.990.951	9.385.990.951
421	3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.058.684.163	2.694.444.730
421a	-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*2.694.444.730*	*7.540.910.069*
421b	-	*LNST chưa phân phối năm nay*		*5.364.239.433*	*(4.846.465.339)*
440		**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**161.480.342.408**	**106.657.529.058**

Đặng Thị Mai Hương	**Thân Thị Hà**	**Nguyễn Thế Hùng**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**	**385.511.471.845**	**110.357.604.231**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**385.511.471.845**	**110.357.604.231**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**21**	**352.924.377.762**	**104.820.636.597**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**32.587.094.083**	**5.536.967.634**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	248.474.837	19.261.246
22	7. Chi phí tài chính	23	1.019.885.588	307.451.060
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*1.019.885.588*	*249.395.621*
25	8. Chi phí bán hàng	24	19.666.571.205	3.106.341.230
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.469.087.064	6.458.865.581
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**5.680.025.063**	**(4.316.428.991)**
31	11. Thu nhập khác	26	173.307.616	18.419.818
32	12. Chi phí khác	27	246.919.778	548.456.166
40	**13. Lợi nhuận khác**		**(73.612.162)**	**(530.036.348)**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**5.606.412.901**	**(4.846.465.339)**
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	242.173.468	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**5.364.239.433**	**(4.846.465.339)**
70	**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**29**	**639**	**(577)**

Đặng Thị Mai Hương	**Thân Thị Hà**	**Nguyễn Thế Hùng**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***5.606.412.901***	***(4.846.465.339)***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.514.878.089	14.136.683.702
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(6.524.919)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(241.949.918)	57.279.123
06	- Chi phí lãi vay		1.019.885.588	249.395.621
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***20.892.701.741***	***9.596.893.107***
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(15.070.946.547)	2.103.477.808
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(9.977.810.011)	1.526.427.990
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		24.366.929.959	(1.525.690.013)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.056.803.860	8.100.773.980
14	- Tiền lãi vay đã trả		(569.759.680)	(260.505.953)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(1.651.055.047)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(594.587.018)	(120.700.000)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***22.103.332.304***	***17.769.621.872***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.743.087.999)	(3.196.549.449)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	18.181.818
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.000.000.000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		179.550.575	4.075.699
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(6.563.537.424)***	***(3.174.291.932)***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		134.178.755.157	11.278.151.090
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(109.178.755.157)	(21.676.281.980)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.068.400)	(96.096.300)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***24.993.931.600***	***(10.494.227.190)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**40.533.726.480**	**4.101.102.750**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**11.827.118.466**	**7.726.015.716**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		6.524.919	-
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**3**	**52.367.369.865**	**11.827.118.466**

Đặng Thị Mai Hương	**Thân Thị Hà**	**Nguyễn Thế Hùng**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 21 tháng 08 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tổ dân phố Hòa Yên, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 84.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 84.000.000.000 VND; tương đương 8.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 64 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 59 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: sản xuất và buôn bán hóa chất H2O2.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2025, do ảnh hưởng của yếu tố thị trường (giá bán các sản phẩm H2O2 vẫn duy trì ở mức thấp) nên lợi nhuận từ bán thành phẩm giảm. Tuy nhiên, nhờ phương án đẩy mạnh kinh doanh hàng hóa NH3 và nước NH4OH đã góp phần gia tăng lợi nhuận cho Công ty, cụ thể tỷ lệ lợi nhuận gộp của Công ty năm 2025 đạt 8,45% (năm 2024 đạt 5,02%). Kết quả kinh doanh năm 2025 tăng và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 5,36 tỷ VND.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:
- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Dự phòng phải trả
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch/hoặc là tỷ giá xấp xỉ thực tế do tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:
- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng năm không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu
Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.
Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Các tài sản khác	03 - 05 năm

2.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 - 05 năm.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng một mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23. Thông tin bộ phận

Do hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh hóa chất H2O2 và chỉ phát sinh tại tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	411.541.325	407.937.507
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.955.828.540	4.419.180.959
- Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	7.000.000.000
	52.367.369.865	**11.827.118.466**

Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 20.000.000.0000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 4,75%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.000.000.000	-	-	-
	1.000.000.000	-	-	-

Tại ngày 31/12/2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 1.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,8 %/năm đến 4,75 %/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	***196.695.000***	-	***291.456.000***	
- Công ty TNHH Thương mại Khí công nghiệp Việt Anh	196.695.000	-	291.456.000	-
Bên khác	***10.504.036.025***	-	***4.418.247.700***	-
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	36.288.000	-	-	-
- Công ty TNHH Công nghệ Hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng	46.603.080	-	54.536.760	-
- Công ty Cổ phần Hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng (Tên cũ: Công ty TNHH Hoá chất và Môi trường Vũ Hoàng)	236.157.660	-	481.229.100	-
- Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Long Biên	-	-	131.064.800	-
- Công ty Cổ phần Hóa chất và Môi trường An Phú	-	-	235.805.340	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất và Thiết bị Kim Ngưu	231.479.100	-	579.823.360	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất Tân Thành	6.053.928.660	-	2.127.592.980	-
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hóa chất Nghi Sơn	1.068.735.600	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.867.131.925	-	808.195.360	-
	10.737.019.025	-	**4.709.703.700**	-

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	***7.787.755.565***	-	***763.983.611***	-
- Công ty Điện lực Bắc Giang - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	1.299.801	-	1.299.801	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	-	-	99.000.000	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần EJC tại Bắc Giang	-	-	295.000.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Môi trường 3RC	239.889.600	-	239.889.600	-
- Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	1.259.918.784	-	-	-
- HUAYU CIRCULAR ECONOMY TECHNICAL AND ENGINEERING (MACAU) CO., LTD	6.261.597.380	-	-	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	25.050.000	-	128.794.210	-
	7.787.755.565	-	**763.983.611**	-

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu về lãi tiền gửi	69.799.343	-	7.400.000	-
- Tạm ứng	77.373.746	-	135.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	2.188.081.500	-	1.500.000	-
- Phải thu khác	268.860.633	-	248.880.731	-
	2.604.115.222	-	**392.780.731**	-
b) Chi tiết theo đối tượng				
Bên khác	**2.604.115.222**	-	**392.780.731**	-
- Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất Mỏ - VINACOMIN (TNHH 1TV)	1.202.581.500	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Bắc Giang	984.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	417.533.722	-	392.780.731	-
	2.604.115.222	-	**392.780.731**	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	6.304.799.450	-	5.106.404.022	-
- Công cụ, dụng cụ	4.917.043.823	-	4.917.043.823	-
- Thành phẩm	8.003.554.934	-	417.233.817	-
- Hàng hoá	1.391.895.996	-	198.802.530	-
	20.617.294.203	**-**	**10.639.484.192**	**-**

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Dự án: Chứa, san chiết NH_3 (*)	748.803.037	150.000.000
- Dự án: Dây chuyền thu hồi khí đuôi phóng không sản xuất CO_2 tinh khiết (**)	519.682.000	88.000.000
	1.268.485.037	**238.000.000**

(*) Dự án: Chứa, san chiết NH3 và sản xuất NH4OH
- Tên dự án: Đầu tư xây dựng dây chuyền sang chiết NH3 và sản xuất NH4OH
- Địa điểm xây dựng: Xây dựng trên khu đất phía Đông Bắc Công ty
- Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng dây chuyền công nghệ sang chiết NH3 và sản xuất NH4OH công suất 9.000 tấn/năm.
- Tổng mức đầu tư: 7.500.000.000 VND
- Thời gian thực hiện: Từ tháng 1/2022-3/2023: hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư; từ tháng 4/2023-tháng 6/2023 hoàn thành công tác xây lắp, chuyển giao công nghệ đưa dây chuyền vào khai thác sử dụng
- Tình trạng dự án đến thời điểm 31/12/2025: Dự án đã thực hiện mua sắm được một số thiết bị, đang triển khai làm các thủ tục theo quy định.

(**) Dự án: Dây chuyền thu hồi khí đuôi phóng không sản xuất CO2 tinh khiết
- Tên dự án: Dây chuyền thu hồi khí đuôi phóng không sản xuất CO2 tinh khiết, công suất 45.000 tấn/năm.
- Địa điểm xây dựng: Xây dựng trên khu đất dự phòng phát triển sản xuất phía Nam Công ty.
- Quy mô của dự án: Đầu tư mới, đồng bộ dây chuyền sản xuất CO2 tinh khiết, có công suất 45.000 tấn/năm.
- Tổng mức đầu tư: 104,75 tỷ VND.
- Thời gian thực hiện dự án: 12 tháng, kể từ khi ký được hợp đồng cung cấp thiết bị và thi công lắp đặt.
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2025: Đang trong quá trình xin cấp giấy phép điều chỉnh dự án từ các cơ quan có thẩm quyền.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	27.676.979.353	185.985.272.794	4.272.392.041	201.809.091	218.136.453.279
- Mua trong năm	-	-	4.712.602.962	-	4.712.602.962
Số dư cuối năm	**27.676.979.353**	**185.985.272.794**	**8.984.995.003**	**201.809.091**	**222.849.056.241**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	12.271.077.239	137.774.254.389	678.166.459	201.809.091	150.925.307.178
- Khấu hao trong năm	1.067.045.987	12.566.241.481	881.590.621	-	14.514.878.089
Số dư cuối năm	**13.338.123.226**	**150.340.495.870**	**1.559.757.080**	**201.809.091**	**165.440.185.267**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	15.405.902.114	48.211.018.405	3.594.225.582	-	67.211.146.101
Tại ngày cuối năm	**14.338.856.127**	**35.644.776.924**	**7.425.237.923**	-	**57.408.870.974**

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 440.137.008 VND

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	297.827.211	464.562.488
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	7.391.605.306	10.281.673.889
	7.689.432.517	**10.746.236.377**

12. CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn	-	-	109.178.755.157	109.178.755.157	-	-
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	1.562.500.000	-	1.562.500.000	1.562.500.000
	-	**-**	**110.741.255.157**	**109.178.755.157**	**1.562.500.000**	**1.562.500.000**
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	-	-	25.000.000.000	-	25.000.000.000	25.000.000.000
	-	**-**	**25.000.000.000**	**-**	**25.000.000.000**	**25.000.000.000**
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-			(1.562.500.000)	(1.562.500.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	-			23.437.500.000	23.437.500.000

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2025	01/01/2025
						VND	VND
Bên liên quan						**10.000.000.000**	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Trâm	VND	7,2%	2030	Phục vụ đầu tư dự án	Tín chấp	10.000.000.000	-
Bên khác						**15.000.000.000**	-
Ông Nguyễn Nam Anh	VND	7,2%	2030	Phục vụ đầu tư dự án	Tín chấp	5.000.000.000	-
Ông Nguyễn Đức Sử	VND	7,2%	2030	Phục vụ đầu tư dự án	Tín chấp	5.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thiện Thu Vân	VND	7,2%	2030	Phục vụ đầu tư dự án	Tín chấp	5.000.000.000	-
						25.000.000.000	-
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng						(1.562.500.000)	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng						**23.437.500.000**	-

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	***537.567.192***	***537.567.192***	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Khí công nghiệp Việt Anh	537.567.192	537.567.192	-	-
Bên khác	***29.087.663.904***	***29.087.663.904***	***5.885.252.388***	***5.885.252.388***
- Công ty TNHH An Thành	300.985.228	300.985.228	350.460.000	350.460.000
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	28.241.550.888	28.241.550.888	5.450.582.788	5.450.582.788
- Phải trả các đối tượng khác	545.127.788	545.127.788	84.209.600	84.209.600
	29.625.231.096	**29.625.231.096**	**5.885.252.388**	**5.885.252.388**

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên khác	***25.068.336***	***417.201.294***
- NINHBO INTERTRADE IMPORT-EXPORT SOLE CO., LTD	-	374.675.198
- Công ty Cổ phần Thế giới Đá khô	4.272.000	4.272.000
- Công ty TNHH TMXNK Hóa chất và Phân bón Vạn Tiến Phát	20.600.400	20.600.400
- Người mua trả tiền trước khác	195.936	17.653.696
	25.068.336	**417.201.294**

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	29.983.241	-	903.640.295	615.367.722	-	258.289.332
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	19.032.450	19.032.450	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.556.823	242.173.468	-	-	243.730.291
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	133.140.712	85.652.186	-	47.488.526
Thuế Nhà đất, tiền thuê đất	-	-	294.417.950	294.417.950	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	99.640.000	99.640.000	-	-
	29.983.241	**1.556.823**	**1.695.044.875**	**1.117.110.308**	**-**	**549.508.149**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay và lãi phạt phải trả	450.125.908	-
- Chi phí phải trả tiền điện	445.082.253	386.714.316
	895.208.161	**386.714.316**
Trong đó: Bên liên quan		
- Bà Nguyễn Thị Thanh Trâm	163.416.572	-
	163.416.572	**-**

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	108.578.980	100.177.780
- Bảo hiểm xã hội	148.706	148.706
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.173.110.540	1.179.178.940
- Quỹ khen thưởng Ban Giám đốc và các quỹ công đoàn	61.653.976	61.653.976
- Quỹ thưởng Ban điều hành	478.227.101	478.227.101
- Thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT	82.712.070	103.475.706
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	569.093.507	106.977.488
	2.473.524.880	**2.029.839.697**
b) Chi tiết theo đối tượng		
- Ông Hà Văn Hùng	-	44.400.000
- Ông Nguyễn Tống Luận	39.954.546	21.318.182
- Ông Nguyễn Thế Hùng	5.000.000	-
- Các đối tượng khác	2.428.570.334	2.008.521.515
	2.473.524.880	**2.029.839.697**
c) Trong đó: Bên liên quan		
- Ông Hà Văn Hùng	-	44.400.000
- Ông Nguyễn Tống Luận	39.954.546	21.318.182
- Ông Nguyễn Thế Hùng	5.000.000	-
	44.954.546	**65.718.182**

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	**VND**
Số dư đầu năm trước	**84.000.000.000**	**9.385.990.951**	**7.690.910.069**	**101.076.901.020**
Lỗ trong năm trước	-	-	(4.846.465.339)	(4.846.465.339)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi theo NQ ĐHĐCĐ	-	-	(150.000.000)	(150.000.000)
Số dư cuối năm trước	**84.000.000.000**	**9.385.990.951**	**2.694.444.730**	**96.080.435.681**
Số dư đầu năm nay	**84.000.000.000**	**9.385.990.951**	**2.694.444.730**	**96.080.435.681**
Lãi trong năm nay	-	-	5.364.239.433	5.364.239.433
Số dư cuối năm nay	**84.000.000.000**	**9.385.990.951**	**8.058.684.163**	**101.444.675.114**

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 số 110/NQĐHĐCĐ-HPCO ngày 26/04/2024, Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 202/NQĐHĐCĐ-HPCO ngày 11/08/2024, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 246/NQHĐQT-HPCO ngày 07/10/2024, Hội đồng quản trị Công ty thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, chi tiết như sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 2.800.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu tương ứng với giá trị chào bán dự kiến là 28.000.000.000 VND.
- Phương thức chào bán: chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng bằng phương thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu.
- Đối tượng được phân phối: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu do Tổng Công ty Lưu ý và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cấp.
- Tỷ lệ chào bán: 1:3 (là tỷ lệ giữa số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán thêm/số lượng cổ phiếu đang lưu hành).
- Thời gian thực hiện dự kiến: Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng, dự kiến Quý 4/2024 - Quý 1/2025.
- Mục đích chào bán: Bổ sung nguồn vốn cho Dự án đầu tư "Dây chuyền sản xuất Hydrogen Peroxide (H2O2), công suất 10.000 tấn/năm và Dây chuyền thu hồi khí đuôi phóng không sản xuất CO2 tinh khiết, công suất 45.000 tấn/năm".
- Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty có kế hoạch làm thủ tục để xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng.
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 23/4/2025 đã thông qua việc dừng không thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo tờ trình số 114/TTr-HPCO ngày 28/3/2025.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025	Tỷ lệ	01/01/2025	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Bà Trương Thị Lan Anh	46.000.000.000	54,76	46.000.000.000	54,76
- Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long	5.600.000.000	6,67	5.600.000.000	6,67
- Ông Phạm Huy Hiệu	4.230.000.000	5,04	4.230.000.000	5,04
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	4.000.000.000	4,76	4.000.000.000	4,76
- Bà Nguyễn Thị Hương	4.998.000.000	5,95	4.998.000.000	5,95
- Ông Đào Xuân Thạch	5.000.000.000	5,95	5.000.000.000	5,95
- Các cổ đông khác	14.172.000.000	16,87	14.172.000.000	16,87
	84.000.000.000	**100**	**84.000.000.000**	**100**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	84.000.000.000	84.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	**84.000.000.000**	**84.000.000.000**

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.400.000	8.400.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*8.400.000*	*8.400.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.400.000	8.400.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*8.400.000*	*8.400.000*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ Công ty

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	9.385.990.951	9.385.990.951
	9.385.990.951	**9.385.990.951**

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh từ năm 2010 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là 14.623,2 m2. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
- USD	291,15	636,05

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	308.477.279.023	16.787.351.437
Doanh thu bán thành phẩm	76.995.984.822	93.570.252.794
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.208.000	-
	385.511.471.845	**110.357.604.231**
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	**22.580.714.700**	**10.964.106.800**

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	283.622.079.962	15.061.586.255
Giá vốn của thành phẩm đã bán	69.302.297.800	89.759.050.342
	352.924.377.762	**104.820.636.597**
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan	**131.325.000**	**138.471.000**

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	241.949.918	11.475.699
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	7.785.547
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	6.524.919	-
	248.474.837	**19.261.246**

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.019.885.588	249.395.621
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	58.055.439
	1.019.885.588	**307.451.060**
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính mua từ các bên liên quan	**237.715.068**	**-**

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	622.953.138	109.238.515
Chi phí nhân công	188.000.000	75.510.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	629.955.144	257.450.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.820.166.497	2.601.671.500
Chi phí khác bằng tiền	405.496.426	62.470.655
	19.666.571.205	**3.106.341.230**
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan	**15.619.020.900**	**-**

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	70.795.297	57.278.429
Chi phí nhân công	3.760.244.158	3.064.625.497
Chi phí khấu hao tài sản cố định	339.430.992	339.430.992
Thuế, phí, lệ phí	371.321.931	83.832.997
Chi phí dịch vụ mua ngoài	731.563.040	420.530.903
Chi phí khác bằng tiền	1.195.731.646	2.493.166.763
	6.469.087.064	**6.458.865.581**

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	18.181.818
Thu nhập khác	173.307.616	238.000
	173.307.616	**18.419.818**

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	86.936.640
Chi phí khác	246.919.778	461.519.526
	246.919.778	**548.456.166**

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	5.606.412.901	(4.846.465.339)
Các khoản điều chỉnh tăng	450.919.778	711.802.500
- *Chi phí không hợp lệ*	*246.919.778*	*544.502.500*
- *Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành*	204.000.000	167.300.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(4.846.465.339)	-
- *Chuyển lỗ các năm trước*	*(4.846.465.339)*	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.210.867.340	(4.134.662.839)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	**242.173.468**	**-**
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.556.823	1.652.611.870
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	(1.651.055.047)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh	**243.730.291**	**1.556.823**

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	5.364.239.433	(4.846.465.339)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.364.239.433	(4.846.465.339)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.400.000	8.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**639**	**(577)**

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56.353.654.702	57.177.237.641
Chi phí nhân công	10.493.765.860	9.552.767.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.510.924.424	14.136.683.702
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.084.912.197	9.267.258.545
Chi phí khác bằng tiền	2.581.020.003	6.045.740.430
	103.024.277.186	**96.179.688.268**

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.955.828.540	-	-	51.955.828.540
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.341.134.247	-	-	13.341.134.247
Các khoản cho vay	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
	66.296.962.787	**-**	**-**	**66.296.962.787**
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.419.180.959	-	-	11.419.180.959
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.102.484.431	-	-	5.102.484.431
	16.521.665.390	**-**	**-**	**16.521.665.390**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Vay	1.562.500.000	23.437.500.000	-	25.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	32.098.755.976	-	-	32.098.755.976
Chi phí phải trả	895.208.161	-	-	895.208.161
	34.556.464.137	**23.437.500.000**	**-**	**57.993.964.137**
Tại ngày 01/01/2025				
Phải trả người bán, phải trả khác	7.915.092.085	-	-	7.915.092.085
Chi phí phải trả	386.714.316	-	-	386.714.316
	8.301.806.401	**-**	**-**	**8.301.806.401**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Bắc Hà	Cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Thương mại Khí công nghiệp Việt Anh	Vợ ông Trương Xuân Hoàng - Chủ tịch HĐQT là Chủ tịch Công ty
Công ty Cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Hoàng Anh	Giám đốc là Ông Nguyễn Minh Hòa - Thành viên HĐQT Công ty
Bà Nguyễn Thị Thanh Trâm	Vợ của Chủ tịch HĐQT Công ty
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Đặng Thị Mai Hương	**Thân Thị Hà**	**Nguyễn Thế Hùng**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 03 năm 2026